

**SO SÁNH LỢI NHUẬN CHO HỘ NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG
(*Litopenaeus vannamei*) TẠI TỈNH PHÚ YÊN VÀ TỈNH KHÁNH HÒA**
*PROFITABILITY COMPARISON FOR WHITE LEG SHRIMP (*Litopenaeus vannamei*)
AQUACULTURE IN PHU YEN AND KHANH HOA PROVINCES*

Đặng Hoàng Xuân Huy, Võ Đình Quyết, Hoàng Gia Trí Hải, Nguyễn Thị Hải Anh*
Khoa Kinh tế - Trường Đại học Nha Trang
Email: danghuyntu@yahoo.com

ABSTRACT

This study compares profitability for the white leg shrimp farmings in Khanh Hoa and Phu Yen provinces with the following indicators: surplus of producer and profit per hecta. An average surplus of producer in Khanh Hoa was $98,115,837 \pm 232,743,680$ VND/ha, ranging from $-339,875,000$ to $1,050,000,000$ VND/ha; in Phu Yen province, this value was $86,780,323 \pm 84,055,564$ VND/ha, ranging from $-85,840,000$ to $285,937,500$ VND/ha. Profit per hecta in Khanh Hoa was $127,079,210 \pm 260,237,783$ VND/ha, with the lowest value was $-857,217,241$ VND/ha and the highest value was $271,435,417$ VND/ha; in Phu Yen province, profit per hecta was $79,460,254 \pm 84,293,958$ VND/ha, with the lowest value was $-90,576,667$ VND/ha and the highest value was $271,435,417$ VND/ha. The research results also showed that although farming in Khanh Hoa was more difficult than in Phu Yen province (average profit per hecta is negative) but households continue to participate in farming (surplus of producers per hecta is positive); this is the largest risks sector (standard deviation is big and min values of the two indicators are negative), but the attractiveness of this sector is high (max values of the two indicators are positive and much larger than the average value).

Keywords: profitability, white shrimp, Khanh Hoa, Phu Yen.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủy sản Việt Nam có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh đạt 18%/năm trong suốt giai đoạn 1998-2008 và đến năm 2008, sản lượng nuôi trồng thủy sản (2,5 triệu tấn) tăng cao hơn sản lượng khai thác thủy sản (2,1 triệu tấn) (FISHVIET, 2008). Tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus Vannamei*) được đưa vào nuôi thử nghiệm ở Việt Nam từ năm 2002, với diện tích khoảng 1.710 ha, sản lượng 10.000 tấn, năm 2007 đạt 4.000 ha, năm 2008 tăng lên 8.000 ha và đến năm 2010 đạt 25.300 ha, trong đó các tỉnh miền Trung và miền Bắc chiếm 72% diện tích (17.960 ha) (VIETFISH, 2012). Năm 2010, sản lượng xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt 240.000 tấn, với giá trị xuất khẩu lên đến 2,08 tỷ USD (VOV, 2011), trong đó, tôm thẻ chân trắng đã đóng góp đáng kể với giá trị xuất khẩu đạt 410 triệu USD, tăng gấp rưỡi so với năm 2009, bằng 20% giá trị xuất khẩu tôm nói chung và bằng 8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản trong 2010.

Khánh Hòa là một tỉnh thuộc Nam Trung Bộ, có nhiều tiềm năng để phát triển nghề khai thác hải sản, là một trong những vựa cá lớn của Việt Nam với bờ biển dài 385 km, hơn 200 hòn đảo và diện tích toàn tỉnh là hơn 5.197 km², là địa phương có diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng tăng nhanh với tốc độ chóng mặt, từ 83 ha (2006) lên 4.103 ha (2010) (Trần Thị Thanh, 2011).

Phú Yên là nơi có nhiều tiềm năng cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản với lợi thế gần 14.000 ha mặt nước đầm, vịnh là điều kiện để nghề nuôi trồng thủy sản ở Phú Yên phát triển mạnh. Năm 2006, diện tích nuôi trồng thủy sản của Phú Yên chỉ hơn 2.600 ha, sản lượng gần 3.600 tấn, đến năm 2010, diện tích đã tăng thêm 90 ha, nhưng sản lượng lại tăng gấp gần 2,4 lần (tương đương 8.500 tấn). Sản lượng thủy sản tăng là nhờ người dân mạnh dạn chuyển diện tích tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng, với năng suất đạt từ 4 - 6 tấn/ha/vụ, tăng gấp 2 lần so với nuôi tôm sú (GSO, 2010).

Mối quan tâm hàng đầu của các chủ hộ nuôi thường là lợi nhuận của trang trại. Chính vì vậy, phân tích lợi nhuận của các trại nuôi là một nhu cầu bức thiết và phải thực hiện ngay nhằm

giúp các nhà quản lý khuyến cáo chủ trang trại và đề ra các biện pháp quản lý nhằm phát triển nghề nuôi bền vững của tỉnh Khánh Hòa và tỉnh.

Mục tiêu của nghiên cứu này là: so sánh lợi nhuận giữa các trại nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm của tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên để đề xuất một số khuyến nghị cho chính quyền và chủ nông hộ nhằm phát triển nghề nuôi bền vững.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Nghiên cứu về lợi nhuận với quy trình như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Tổng doanh thu} \\ & - \text{Chi phí biến đổi} \\ & = \text{Thặng dư của nhà sản xuất} \\ & - \text{Chi phí cố định} \\ & = \text{Lợi nhuận} \end{aligned}$$

Lợi nhuận của trại nuôi trong nghiên cứu được đo lường bằng các chỉ số: Thặng dư của nhà sản xuất/Diện tích ao nuôi và Tổng lợi nhuận/Diện tích ao nuôi (David Begg, 1992).

Tổng doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Thặng dư của nhà sản xuất là phần chênh lệch giữa giá thị trường mà người sản xuất nhận được cho sản phẩm của mình và giá thấp hơn mà người đó sẵn sàng chấp nhận vì đủ để bù đắp các chi phí sản xuất đồng thời mang lại một lợi nhuận bình thường. Số thặng dư này là lợi ích kinh tế có thêm, một lợi nhuận có thêm được coi như là một phần thưởng cho tài tổ chức các yếu tố sản xuất.

Tổng lợi nhuận

Chi phí biến đổi là các chi phí thay đổi trực tiếp theo sự thay đổi của qui mô sản xuất. Thuộc loại này có chi phí nguyên vật liệu, tiền lương công nhân sản xuất trực tiếp...

Chi phí cố định là chi phí không thay đổi (hoặc thay đổi không đáng kể) theo sự thay đổi qui mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc loại này có: Chi phí khấu hao Tài sản cố định, chi phí tiền lương quản lý, lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê tài sản, văn phòng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu số liệu

Đối tượng nghiên cứu là các trại nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011 (88 mẫu) và Phú Yên (88 mẫu) năm 2011. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản bằng cách dựa vào danh sách các hộ nuôi, sau đó rút thăm ngẫu nhiên không lặp lại từ danh sách lập để chọn ra các hộ cần điều tra. Số liệu thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp chủ hộ thông qua câu hỏi soạn sẵn, nội dung câu hỏi bao gồm hai phần: phần kinh tế xã hội của nông hộ (giới tính, nghề nghiệp, kinh nghiệm nuôi...); tình hình sản xuất năm 2011 (doanh thu, chi phí, lợi nhuận...).

Phương pháp phân tích dữ liệu

Lợi nhuận trại nuôi trong nghiên cứu được đo lường bằng các chỉ số: Thặng dư của người sản xuất/đơn vị diện tích ao nuôi và Lợi nhuận/đơn vị diện tích ao nuôi.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả phân tích lợi nhuận của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011 được trình bày như bảng 1. Doanh thu trung bình của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng là 357.558.581 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 60.000.000 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 1.365.000.000 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 253.791.166. Chi phí biến đổi trung bình là 259.442.744 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 57.767.857 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 621.875.000 đồng/ha, độ lệch chuẩn

là 92.201.559. Chi phí cố định trung bình là 225.195.047 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 750.405.583 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 750.405.583 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 180.822.535.

Bảng 1: Thống kê mô tả dữ liệu dùng cho phân tích lợi nhuận của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011

(ĐVT: đồng/ha)

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	357.558.581	253.791.166	1.365.000.000	60.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	259.442.744	92.201.559	621.875.000	57.767.857
3. Chi phí cố định/ha	225.195.047	180.822.535	750.405.583	32.190.245

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Dữ liệu dùng cho phân tích lợi nhuận của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên năm 2011 được trình bày như bảng 2. Doanh thu trung bình của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng là 293.729.567 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 13.000.000 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 575.000.000 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 133.387.035. Chi phí biến đổi trung bình là 206.949.244 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 72.650.000 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 318.880.000 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 56.825.805. Chi phí cố định trung bình là 7.320.069 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là 2.305.556 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 23.833.333 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 4.832.605.

Bảng 2: Thống kê mô tả dữ liệu dùng cho phân tích lợi nhuận của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại Phú Yên năm 2011

(ĐVT: đồng/ha)

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	293.729.567	133.387.035	575.000.000	13.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	206.949.244	56.825.805	318.880.000	72.650.000
3. Chi phí cố định/ha	7.320.069	4.832.605	23.833.333	2.305.556

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Thặng dư của người sản xuất

Các nhà sản xuất thường đưa ra quyết định tiếp tục sản xuất hay dừng lại trong ngắn hạn dựa trên cơ sở thặng dư của người sản xuất. Trong ngắn hạn, nếu thặng dư sản xuất lớn hơn định phí thì lợi nhuận ròng dương dĩ nhiên doanh nghiệp sẽ tiếp tục sản xuất; thặng dư sản xuất dương và nhỏ hơn định phí thì doanh nghiệp vẫn nên tiếp tục sản xuất vì định phí vẫn được bù đắp một phần; thặng dư sản xuất âm thì doanh nghiệp nên dừng sản xuất.

Thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên năm 2011 được trình bày như bảng 3 và 4.

Bảng 3 cho thấy thặng dư của người sản xuất trung bình là 98.115.837 đồng/ha (dương), giá trị nhỏ nhất là -339.875.000 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 1.050.000.000 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 232.743.680.

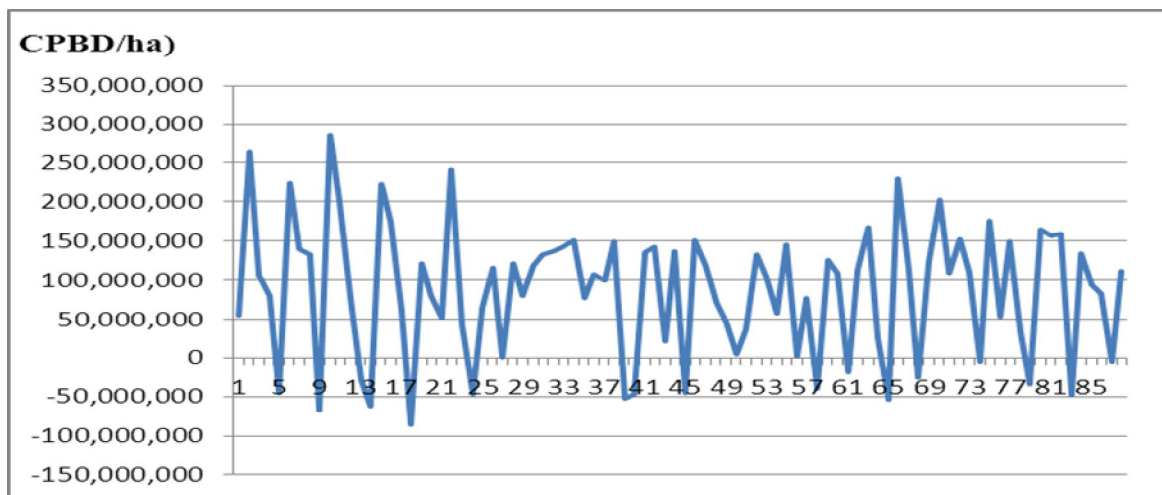
Bảng 3: Thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011

(ĐVT: đồng/ha)

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	357.558.581	253.791.166	1.365.000.000	60.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	259.442.744	92.201.559	621.875.000	57.767.857
3. Thặng dư của nhà sản xuất/ha (3) = (1)-(2)	98.115.837	232.743.680	1.050.000.000	-339.875.000

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Kết quả thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011 cho thấy nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở Khánh Hòa vẫn sẽ tiếp tục duy trì sản xuất (thặng dư sản xuất bình quân/ha của nghề dương) dù một số ao nuôi có thể sẽ dừng sản xuất; đây là nghề nuôi rủi ro (độ lệch chuẩn lớn) nhưng là nghề hấp dẫn cao (giá trị lớn nhất gấp khoảng 10,7 lần giá trị trung bình). Lý do giải thích có thể là một số hộ đạt được thặng dư sản xuất lớn nhờ tính kinh tế nhờ quy mô, quy mô vốn lớn, và kinh nghiệm nuôi dôi dào (hình 1).



Hình 1: Thặng dư nhà sản xuất/ha của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011

Bảng 4 cho thấy thặng dư của người sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại Phú Yên trung bình là 86.780.323 đồng/ha (dương), giá trị nhỏ nhất là -85.840.000 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 285.937.500 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 84.055.564.

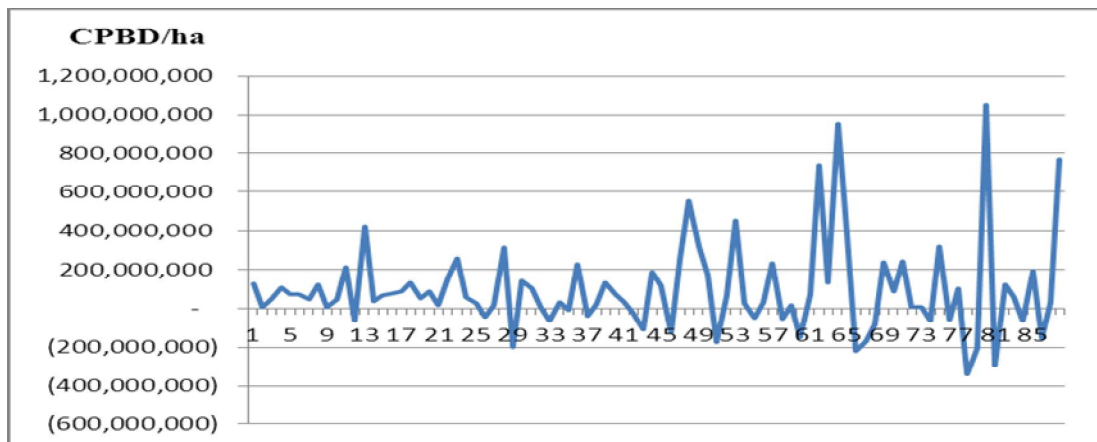
Bảng 4: Thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại Phú Yên năm 2011

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	(ĐVT: đồng/ha)	
			Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	293.729.567	133.387.035	575.000.000	13.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	206.949.244	56.825.805	318.880.000	72.650.000
3. Thặng dư của nhà sản xuất/ha (3) = (1)-(2)	86.780.323	84.055.564	285.937.500	-85.840.000

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Kết quả thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại tỉnh Phú Yên năm 2011 cho thấy nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở Phú Yên vẫn sẽ tiếp tục duy trì sản xuất (thặng dư sản xuất bình quân/ha của nghề dương) dù một số ao nuôi có thể sẽ dừng sản xuất; đây là nghề nuôi rủi ro (độ lệch chuẩn lớn; giá trị min âm và gần bằng giá trị trung bình) nhưng là nghề hấp dẫn cao (giá trị max gấp khoảng 3,2 lần giá trị trung bình). Lý do giải thích có thể là một số hộ đạt được thặng dư sản xuất lớn nhờ tính kinh tế nhờ quy mô, quy mô vốn lớn, và kinh nghiệm nuôi dôi dào.

Kiểm định thống kê kiểm định sự khác biệt giữa các thông số (trung bình) giữa hai mẫu trung bình tổng thể thặng dư nhà sản xuất ở của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên cho thấy z thực nghiệm (z Stat) là nằm trong khoảng từ -1,96 tới +1,96 (z lý thuyết z Critical= 1.96) cho nên hai tổng thể có trị trung bình là như nhau (bảng 5)



Hình 2: Thặng dư nhà sản xuất/ha của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên năm 2011

Bảng 5: Kiểm định sự khác biệt giữa hai trung bình tổng thể thặng dư nhà sản xuất của hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Phú Yên năm 2011

z-Test: Two Sample for Means		
	Thặng dư nhà sản xuất Khánh Hòa	Thặng dư nhà sản xuất Phú Yên
Mean	98115836.85	86780323.1
Known Variance	5.41696E+16	7.06534E+15
Observations	88	88
Hypothesized Mean Difference	0	
z	0.429717357	
P(Z<=z) one-tail	0.333700628	
z Critical one-tail	1.644853627	
P(Z<=z) two-tail	0.667401256	
z Critical two-tail	1.959963985	

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

Lợi nhuận/ha

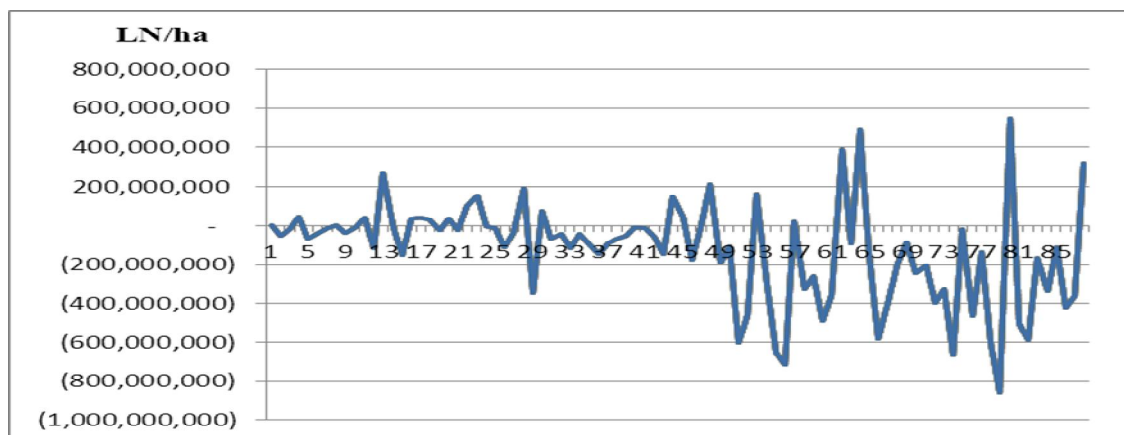
Kết quả tính toán trong Bảng 6 cho thấy lợi nhuận ròng trên đơn vị diện tích đạt được của người nuôi tôm thẻ chân trắng tỉnh Khánh Hòa trong năm 2011 là rất thấp với lợi nhuận trung bình/ha là âm, -127.079.210 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là -857.217.241 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 271.435.417 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 260.237.783.

Bảng 6: Thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	357.558.581	253.791.166	1.365.000.000	60.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	259.442.744	92.201.559	621.875.000	57.767.857
3. Thặng dư của nhà sản xuất/ha (3) = (1)-(2)	98.115.837	232.743.680	1.050.000.000	-339.875.000
4. Chi phí cố định/ha	225.195.047	180.822.535	750.405.583	32.190.245
5. Lợi nhuận/ha (5) = (3)-(4)	-127.079.210	260.237.783	545.113.528	-857.217.241

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Lợi nhuận trên đơn vị diện tích của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa trung bình mang dấu âm, chứng tỏ xét về mặt bằng chung trong năm 2011 các hộ nông dân nuôi tôm trong mẫu nghiên cứu làm ăn không có hiệu quả, ngược lại còn bị thua lỗ. Kết quả tính toán cho thấy có sự chênh lệch lớn giữa giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất về lợi nhuận thu được trên mỗi ha, đồng thời với độ lệch chuẩn lớn đã thể hiện sự khác biệt về hiệu quả kinh tế của việc nuôi tôm thẻ chân trắng giữa các nông hộ là rất lớn. Điều này ngụ ý nghề nuôi tôm thẻ chân trắng này có mức độ rủi ro cao nhưng cũng là nghề hấp dẫn do các hộ lãi có giá trị lợi nhuận ròng lớn (hình 3).



Hình 3: Lợi nhuận/ha của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011

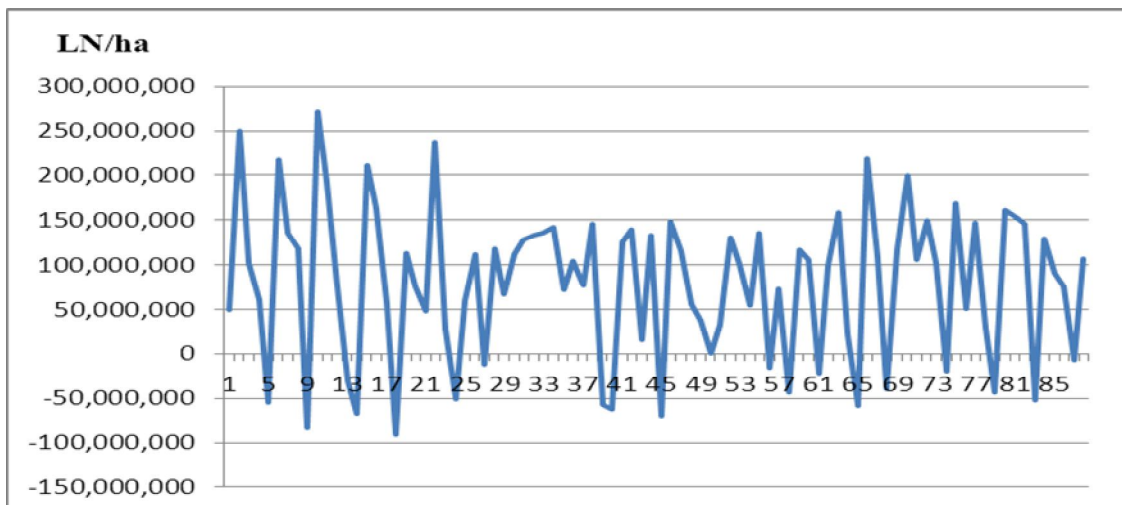
Kết quả tính toán trong Bảng 7 cho thấy lợi nhuận ròng trên đơn vị diện tích đạt được của người nuôi tôm thẻ chân trắng tỉnh Phú Yên trong năm 2011 với trung bình/ha là dương, 79.460.254 đồng/ha, giá trị nhỏ nhất là -90.576.667 đồng/ha, giá trị lớn nhất là 271.435.417 đồng/ha, độ lệch chuẩn là 84.293.958.

Bảng 7: Thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại Phú Yên năm 2011

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	(ĐVT: đồng/ha)	
			Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất
1. Doanh thu/ha	293.729.567	133.387.035	575.000.000	13.000.000
2. Chi phí biến đổi/ha	206.949.244	56.825.805	318.880.000	72.650.000
3. Thặng dư của nhà sản xuất/ha (3) = (1)-(2)	86.780.323	84.055.564	285.937.500	-85.840.000
4. Chi phí cố định/ha	7.320.069	4.832.605	23.833.333	2.305.556
5. Lợi nhuận/ha (5) = (3)-(4)	79.460.254	84.293.958	271.435.417	-90.576.667

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra).

Lợi nhuận trên đơn vị diện tích của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên trung bình mang dấu dương, chứng tỏ xét về mặt bằng chung trong năm 2011 các hộ nông dân nuôi tôm trong mẫu nghiên cứu làm ăn có hiệu quả. Kết quả tính toán cho thấy có sự chênh lệch lớn giữa giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất về lợi nhuận thu được trên mỗi ha, đồng thời với độ lệch chuẩn lớn đã thể hiện sự khác biệt về hiệu quả kinh tế của việc nuôi tôm thẻ chân trắng giữa các nông hộ là rất lớn. Điều này ngụ ý nghề nuôi tôm thẻ chân trắng này có mức độ rủi ro cao nhưng cũng là nghề hấp dẫn do các hộ lãi có giá trị lợi nhuận ròng lớn (hình 4).



Hình 4: Lợi nhuận/ ha của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên năm 2011

Kiểm định thống kê kiểm định sự khác biệt giữa các thông số (trung bình) giữa hai mẫu lợi nhuận/ha của tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên cho thấy z thực nghiệm (z Stat) là không nằm trong khoảng từ -1.96 tới +1.96 (z lý thuyết z Critical= 1.96) cho nên hai tổng thể có trị trung bình là không như nhau (bảng 8)

Bảng 8: Kiểm định sự khác biệt giữa hai trung bình tổng thể lợi nhuận/ha của hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Phú Yên năm 2011

z-Test: Two Sample for Means		
	LN/ha Khánh Hòa	LN/ha Phú Yên
Mean	-127079209.8	79460254.34
Known Variance	6.77237E+16	7.10547E+15
Observations	88	88
Hypothesized Mean Difference	0	
z	-7.082864006	
P(Z<=z) one-tail	7.05991E-13	
z Critical one-tail	1.644853627	
P(Z<=z) two-tail	1.41198E-12	
z Critical two-tail	1.959963985	

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Nghiên cứu so sánh lợi nhuận cho các trại tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Phú Yên. Kết quả nghiên cứu cho thấy thặng dư của nhà sản xuất của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại tỉnh Khánh Hòa năm 2011 trung bình là 98.115.837 đồng/ha, trong khi của tỉnh Phú Yên trung bình là 86.780.323 đồng/ha. Nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở Khánh Hòa và Phú Yên vẫn sẽ tiếp tục duy trì sản xuất (thặng dư sản xuất bình quân/ha của nghề dương) dù một số ao nuôi có thể sẽ dừng sản xuất; đây là nghề nuôi rủi ro (độ lệch chuẩn lớn; giá trị min âm) nhưng là nghề hấp dẫn cao.

Kết quả lợi nhuận trên đơn vị diện tích của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Khánh Hòa trung bình là -127.079.210 đồng/ha, trong khi của tỉnh Phú Yên trung bình là 79.460.254 đồng/ha. Điều này chứng tỏ lợi nhuận/ha của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên tốt hơn ở tỉnh Khánh Hòa. Sở dĩ có điều này vì tình hình dịch bệnh trong nghề nuôi tại tỉnh Khánh Hòa đã rất nghiêm trọng – đây là hậu quả của một thời gian dài nghề nuôi trồng tăng

trường nóng và yếu tố môi trường không được quan tâm đúng mức; chi phí mà người nuôi tôm phải bỏ ra quá cao, trong khi giá cả đầu ra lại bấp bênh, doanh thu không đủ để bù chi phí, đây là một thực tế rất đáng buồn cho nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở Khánh Hòa.

Kết quả đo lường lợi nhuận qua các chỉ tiêu thặng dư của người sản xuất, lợi nhuận trên đơn vị diện tích cho thấy sự khác biệt về hiệu quả kinh tế của việc nuôi tôm thẻ chân trắng giữa các nông hộ là rất lớn, đây là nghề mặc dù mức độ rủi ro cao nhưng sự hấp dẫn cũng rất lớn, hộ lãi có giá trị lợi nhuận ròng rất cao. Chỉ số thặng dư bình quân của người sản xuất trên một hecta ở tỉnh Khánh Hòa là dương cho thấy nghề nuôi tôm thẻ chân trắng của tỉnh Khánh Hòa vẫn sẽ tiếp tục sản xuất trong các năm kế tiếp, tuy nhiên chỉ số lợi nhuận ròng bình quân của mỗi hecta âm cho thấy hiệu quả sản xuất của nghề đang là vấn đề đáng báo động và không cho thấy sự phát triển bền vững trong tương lai. Trong khi ở tỉnh Phú Yên cho thấy nghề nuôi tôm thẻ chân trắng vẫn đang là sự lựa chọn cho hiện tại và thấy sự phát triển trong tương lai. Thông thường, trong thực tiễn nuôi trồng sản phẩm thủy sản, do các chủ trang trại nuôi ở các nước đang phát triển như Việt Nam thường bị hạn chế về kiến thức, vốn và quy mô sản xuất nhỏ nên việc quản trị sản xuất chỉ thường dựa vào chỉ số thặng dư người sản xuất chứ không quan tâm đến chỉ số lợi nhuận ròng.

Kết quả nghiên cứu chứng minh rằng hầu hết các trại nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Phú Yên tốt hơn tỉnh Khánh Hòa. Chính vì thế, các nhà quản lý, nhà khoa học và các tổ chuyên môn và đặc biệt là trung tâm Khuyến nông ở tỉnh Khánh Hòa có thể sử dụng thông tin này để khuyến cáo người nuôi để giúp người nuôi nâng cao lợi nhuận và hạn chế rủi ro. Vấn đề môi trường trong vùng nuôi, không thể kiểm soát được chất lượng con giống, qui hoạch vùng nuôi cần được các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

David Begg, Stanley Fischer, Dornbusch Rudiger. “Kinh tế học, tập 1”. Nhà xuất bản Giáo dục, 1992

FISHVIET– Cơ sở dữ liệu cá cảnh Việt Nam, 2008. Đọc từ: <http://fishviet.com/fishviet/index.php?page=news&content=11&article=33> (đọc ngày 07.04.2012).

GSO - Tổng cục thống kê, 2012. Sản lượng thủy sản phân theo địa phương [trực tuyến]. Đọc từ: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=390&idmid=3&ItemID=11520> (đọc ngày 07.04.2012).

Trần Thị Thanh, 2011. Một số giải pháp góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản lợ, mặn theo hướng bền vững tại tỉnh Khánh Hòa. Luận văn tốt nghiệp, Khoa kinh tế, Đại học Nha Trang VIETFISH - Tạp chí thương mại thủy sản, 2012. Xuất khẩu tôm năm 2011 – 2012 [trực tuyến]. Đọc từ: <http://vietfish.org/2012220172752283p48c73/xuat-khau-tom-nam-20112012.htm> (đọc ngày 07.04.2012).

VOV – Đài tiếng nói Việt Nam, 2011. Xuất khẩu tôm đạt kỷ lục trên 2 tỷ USD [trực tuyến]. Đọc từ: <http://vov.vn/Home/Xuat-khau-tom-dat-ky-luc-tren-2-ty-USD/2011/163616> (đọc ngày 07.04.2012).